Soạn văn 10 bài: Nhàn

Hướng dẫn soạn bài

Câu 1 (trang 129 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1): Cách dùng số từ, danh từ trong câu thơ thứ nhất và nhịp điệu hai câu thơ đầu có một số điểm đáng chú ý:

- + Số từ "một... một... một..." cho thấy tác giả chủ động với công việc
- + Nhịp thơ 2/2/3 tạo sự thảnh thơi, nhàn nhã
- + Chữ "ai" ở câu thơ thứ hai để nói với người: dù cho người ta có "vui thú nào" thì ông vẫn vui vẻ với cuộc sống thôn dã
- Hai câu thơ ấy cho ta thấy cuộc sống nhàn nhã ở nơi thôn dã của tác giả. Ông vui vẻ, hài lòng với đời sống "tự cung tự cấp", đồng thời hai câu thơ cũng cho thấy sự ngông ngạo trước thói đời. Ngông ngạo mà không ngang tàng vẫn cứ thuần hậu, nguyên thủy
- **Câu 2** (trang 129 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1): Cách hiểu về "nơi văng vẻ" và "chốn lao xao":
- + "nơi vắng vẻ": là nơi không người cầu cạnh ta và ta cũng không cầu cạnh người; là nơi tĩnh tại của thiên nhiên và nơi thảnh thơi của tâm hồn.
- + "chốn lao xao": chốn quan trường, đường hoạn lộ; nơi sang trọng, đầy thủ đoạn, bon chen, luồn lọt, sát phạt
- Quan điểm của tác giả về "dại" và "khôn": tác giả tự nhận mình là người "dại", chấp nhận mọi điều tiếng để "tìm nơi vắng vẻ", nhường người "khôn" đến "chốn lao xao". Ông đã trải đời đã tận hiểu sự đua chen, trói buộc của vòng danh lợi, bởi thế ông phủi tay với những sự đua chen ở "chốn lao xao". Tự nhận là "dại", song thực chất là "khôn", cũng giống như những người trải nghiệm, cứ luẩn quẩn trong vòng danh lợi, cứ nghĩ mình "khôn" nhưng thực chất là "dại".
- Tác dụng biểu đạt ý của nghệ thuật đối trong hai câu thơ 3 và 4: tạo sự so sánh giữa hai triết lí sống, qua đó khẳng định triết lí sống của tác giả.
- **Câu 3** (trang 129 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1): Các sản vật và khung cảnh sinh hoạt trong hai câu thơ 5, 6 có những điểm đáng chú ý:
- + Thức ăn quê mùa, dân dã: măng trúc, giá đỗ
- + Sinh hoạt: thích tắm hồ, tắm ao như bao người dân quê khác

- + Hai câu thơ tạo thành bức tranh tứ bình về cảnh sinh hoạt với bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, có mùi vị, có hương sắc.
- Hai câu thơ cho thấy cuộc sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm đạm bạc mà thanh cao. Sự đạm bạc ở những thức ăn cây nhà lá vườn, tự mình làm ra, là công sức của chính mình. Cuộc sống tự nhiên mùa nào thức ấy, không hề nặng nề, ảm đạm mà trái lại nó thanh cao, bình dị.

Câu 4 (trang 130 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1):

Hai câu thơ cuối thể hiện vẻ đẹp trí tuệ của Nguyễn Bỉnh Khiêm. Với cái nhìn thông tuệ của mình, ông tìm đến "say" để "tỉnh". Hình ảnh một ông già ngồi một mình bên gốc cây uống rượu hiện lên với vẻ thoải mái nhưng "lạc lõng". Nhiều năm trong chốn quan trường kia để ông nhận ra công danh, của cải, quyền quý chỉ là giấc chiêm bao. Đây là cái nhìn của một nhân cách lớn, một trí tuệ lớn.

Câu 5 (trang 130 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1):

Quan niệm sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm là: sống hòa hợp vời tự nhiên và xa lánh nơi quyền quý, chốn quan trường để giữ cốt cách thanh cao. Với ông, sống nhàn không có nghĩa là không quan tâm đến xã hội, chỉ lo cuộc sống nhàn tản của bản thân mà sống nhàn là cuộc sống xa lánh nơi quyền quý, rời khỏi vòng danh lợi, sống hòa hợp với tự nhiên. Cuộc sống như vậy sẽ vất vả nhưng nó đem đến cho ông sự thoải mái trong tâm hồn, giữ được sự thanh sạch trong đời mình.

Luyên tập

Vẻ đẹp cuộc sống và tâm hồn của Nguyễn Bỉnh Khiêm qua bài thơ "Nhàn"

Nguyễn Bình Khiêm là người có học vấn uyên thâm, là nhà thơ lớn của dân tộc. Thơ của ông mang đậm chất triết lí giáo huấn, ngợi ca chí khí của kẻ sĩ, thú thanh nhàn, đồng thời cũng phê phán những điều sống trong xã hội. "Bạch Vân quốc âm thi tập" một tập thơ tiêu biểu trong sáng tác của Nguyễn Bỉnh Khiêm và "Nhàn" là một trong những bài thơ tiêu biểu trong tập thơ này. Bài thơ đã thể hiện vẻ đẹp trong cuộc sống và tâm hồn của nhà thơ.

Với những ngôn từ giản dị, tác giả viết:

"Môt mai, môt cuốc, môt cần câu

Thơ thần dầu ai vui thú nào"

Hai câu thơ đầu được mở ra với những dụng cụ lao động quen thuộc của người dân, làm hiện lên hình ảnh một ông lão nông dân với cuộc sống thảnh thơi của mình. Câu thơ đưa ta trở về với cuộc sống chất phác nguyên sơ của cái thời "nước giếng đào, cơm cày ruộng". câu đầu còn là cái tâm thế nhàn tản, thong dong. Nhịp cầu thơ nghe như nhân vật trữ tình đang nhẹ nhàng đếm bước: một... một... Tất cả điều đó làm hiện lên một cuộc sống thôn quê nhàn nhã, dù cho ai đang vui với bất kì thú vui nào, ta vẫn mặc đó, ta vui với thú vui giản dị của ta.

Hai câu thơ sau được nối tiếp với những món ăn dân dã theo mùa, những hoạt động thể hiện lối sống nhàn, hòa mình với cuộc sống bình dị:

"Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,

Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao."

Vẫn là những ngôn từ giản dị, vẫn là những hình ảnh nghệ thuật dân dã, đời thường. Thu với măng trúc, đông với giá – những món ăn quen thuộc, không chút cầu kì cho thấy một cuộc sống giản dị vô cùng. Những sinh hoạt trong cuộc sống cũng thể hiện lối sống thanh sạch ấy: tắm ở hồ sen và tắm ao. Cuộc sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm dường như chẳng còn chút gợn gì về một vị quan lớn của triều đình. Đây là một cuộc sống thanh cao trong cách ăn uống sinh hoạt và cả trong cái niềm thích thú khi được hòa mình vào cuộc sống thiên nhiên.

Không chỉ đẹp trong cuộc sống, Nguyễn Bỉnh Khiêm còn thể hiện vẻ đẹp trong tâm hồn, nhân cách của bản thân khi đưa ra những quan niệm sống của mình:

Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ

Người khôn, người đến chốn lao xao.

Quan niệm của tác giả về "dại" và "khôn" của "ta" và "người" thật khác lạ. Ta là kẻ "dại" nên tìm nơi thôn quê dân giã để về, người "khôn" người vào với trốn quan. Sau những năm tháng làm quan trong triều, Nguyễn Bỉnh Khiêm hiểu ra những góc khuất của trốn này. Và Tuyết Giang phu tử về với thiên nhiên là để thoát ra khỏi vòng danh lợi, thoát ra khỏi chốn nhiễu nhương đầy những ganh tị, bon chen. Phải là một người từng trải mới có thể nhận ra cái dại, cái khôn ở đời. Điều này khiến người đọc ngẫm ra ai mới là kẻ "dai", ai mới là người "khôn".

Hai câu thơ kết khép lại bằng một phong thái ung dung tự tại:

Rượu đến cội cây, ta sẽ uống

Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.

Hai câu thơ cuối là nét vẽ cuối cùng trong bức tranh về cuộc sống nhàn, ở đó nhân vật đang ngồi dưới gốc cây uống rượu để ngẫm về sự đời. Hóa ra, trong cuộc sống nhàn kia lại có biết bao băn khoăn, trăn trở, chứa đựng những nỗi niềm riêng. Đó là khát khao được đem sức của mình ra để phục vụ việc triều chính nhưng đành bất lực trước thế sự trước mắt. Đến đây, ta ngẫm ra một sự thật rằng phú quý, giàu sang chỉ như giấc mơ mà ai ai cũng muốn được với tới. Và chỉ có những người đã thoát ra khỏi trốn quan trường kia mới biết cuộc sống dân giã mới đáng quý thế nào.

Bài thơ không chỉ phác họa một bức tranh bốn mùa với những thức ăn, hoạt động dân giã mà ở đây nó còn thể hiện chân dung của con người hòa mình trong cuộc sống thôn quê, chất phác với những nét đẹp trong cuộc sống và nhân cách, tâm hồn.

Soạn bài: Đọc "Tiểu thanh kí"

ĐỌC "TIỂU THANH KÍ"

(Độc "Tiểu thanh kí")

NGUYỄN DU

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- 1. Đọc "Tiểu Thanh kí" nằm ở cuối Thanh Hiện thi tập, tập thơ chữ Hán của Nguyễn Du. Bài thơ có liên hệ với Tiểu Thanh kí trong Tiểu Thanh truyện với nhân vật Tiểu Thanh, một người tài hoa bạc mệnh.
- 2. Với nghệ thuật sáng tạo ngôn từ, hình ảnh hàm súc cao độ, bài thơ thể hiện nổi bật tâm trạng xót thương, day dứt của Nguyễn Du đối với nỗi oan của những người tài hoa bạc mệnh.

II. RÈN KĨ NĂNG

- 1. Tiểu Thanh có sắc, lại có tài (thơ phú văn chương) thế nhưng cuộc đời của nàng lại gặp quá nhiều bi kịch (phải làm lẽ, bị dập vùi, trước tác bị đốt dở dang). Số phận hẩm hiu, đau khổ của nàng chính là lí do khiến Nguyễn Du cảm thương chia sẻ. Đồng thời cũng từ bi kịch của Tiểu Thanh, nhà thơ suy nghĩ về định mệnh nghiệt ngã của những người có tài văn chương, nghệ thuật.
- 2. Trong câu thơ dịch, chữ "nỗi hòn" (nỗi hòn kim cổ trời khôn hỏi) chưa diễn đạt được hết ý nghĩa của hai từ "hận sự". Vậy mối hận "cổ kim" ở đây nghĩa là gì? Đó là mối hận của người xưa (như Tiểu Thanh) và người thời nay (những người phụ nữ "hồng nhan bạc mệnh" đang sống cùng thời với Nguyễn Du, thậm chí cả những con người có tài năng thơ phú như nhà thơ Nguyễn Du nữa). Họ đều là những người đã gặp bao điều không may trong cuộc sống. Từ đó, nhà thơ của chúng ta cho rằng: Có một thông lệ vô cùng nghiệt ngã đó là ông trời luôn bất công với những con người tài sắc. Sự bất công ấy đâu chỉ đến với riêng người phụ nữ tài hoa bạc mệnh Tiểu Thanh mà còn là nỗi hận của bao người (những Khuất Nguyên, Đỗ Phủ, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du...). Nỗi hận ấy từ hàng trăm năm nay đâu có gì thay đổi. Bởi vậy nó như một câu hỏi lớn không lời đáp cứ treo lơ lửng giữa không trung đến "ông trời" cũng "không hỏi được".
- 3. Giá trị nhân bản đặc sắc của bài thơ là ở chỗ Nguyễn Du đã đặt ra vấn đề về quyền sống của người nghệ sĩ. Từ sự thương xót và đồng cảm với Tiểu Thanh,

nhà thơ muốn gửi gắm sự trân trọng của mình đến những người nghệ sĩ nói chung - những chủ nhân của những giá trị tinh thần. Bày tỏ sự cảm thông chia sẻ với họ là một dấu hiệu tiến bộ trong chủ nghĩa nhân bản của Nguyễn Du. Tình thương yêu và sự quan tâm của nhà thơ lúc ấy đã vượt qua những giới hạn về không gian và thời gian. Nó không chỉ là sự quan tâm chia sẻ với những con người bất hạnh (những cảnh đói cơm, rách áo) mà hơn thế nữa còn là sự thương yêu và trân trọng con người nói chung.

4. Có thể chia bài thơ thành bốn phần, mỗi phần lại có vai trò riêng trong việc thể hiện chủ đề của bài thơ.

Hai câu thơ đầu là hai câu tả cảnh để mà kể việc. Từ quang cảnh hoa phế ở Tây Hồ, người đọc liên tưởng đến cuộc đời thay đổi. Hai câu này cũng nêu ra hoàn cảnh nảy sinh cảm xúc của nhà thơ (phần "di cảo" thơ của Tiểu Thanh).

Hai câu thực nêu lên những suy nghĩ về số phận bất hạnh của nàng Tiểu Thanh thông qua hai hình ảnh ẩn dụ son phấn (vẻ đẹp) và văn chương (tài năng).

Hai câu luận bắt đầu khái quát, nâng vấn đề, liên hệ thân phận của nàng Tiểu Thanh với những bậc văn nhân tài tử trong đó có nhà thơ.

Hai câu kết là tiếng lòng của nhà thơ mong tìm thấy một tiếng lòng đồng cảm của người đời sau.

5. Doan tho:

Rằng: Hồng nhan tự thủa xưa,

Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu.

Nỗi niềm tưởng đến mà đau,

Thấy người nằm đó biết sau thế nào?

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

Là lời của Thúy Kiều nói về nhân vận Đạm Tiên. Khi thấy chị sụt sùi trước mộ của Đạm Tiên, Thúy Vân đã nói:

Vân rằng: "Chị cũng nực cười"

Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa.

Nghe xong câu này, Thúy Kiều đã nói những câu trên để đáp lời Thúy Vân. Tuy nhiên trong Truyện Kiều có rất nhiều đoạn đối thoại bắt đầu bằng từ "rằng" như ở đoạn thơ này. Trong trường hợp ấy, người ta cũng có thể hiểu đó

là lời của tác giả (Nguyễn Du). Căn cứ vào nội dung của đoạn thơ, có thể thấy đề tài mà Nguyễn Du quan tâm trong các sáng tác của ông là hình ảnh những con người tài hoa mà bạc mệnh.